

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2020.

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên**; ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 29/3/2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986. HKTT và cư trú: Thôn TK, xã NH, huyện TT, Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Chị Bùi Thị Thu Tr, sinh năm 1995. HKTT và cư trú: Số nhà 05, tổ 1, khu X, thị trấn X, huyện C, Hà Nội.

Vắng mặt: Anh T (có đơn xin xét xử vắng mặt); chị Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2019, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Thu Tr quen nhau được 04 tháng thì hai bên đi đến kết hôn. Anh, chị tự nguyện kết hôn vào ngày 27/11/2017 tại UBND xã NH, huyện TT, Hà Nội.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống cùng gia đình anh được vài ngày thì

chị Tr đi làm ở cửa hàng bán quần áo tại Trần Duy Hưng, Hà Nội; còn anh cũng đi làm, nên mỗi người ở một nơi, thỉnh thoảng mới về nhà ở TT. Tuy nhiên, trong thời gian đó thì vợ chồng anh hay có những mâu thuẫn, cãi nhau qua điện thoại. Anh không nhớ chính xác ngày tháng nhưng trước ngày 20/02/2018 thì vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn lớn do chị Tr thấy anh chụp ảnh với đồng nghiệp, chị Tr đã nói láo với anh, anh có mắng chị Tr và chị Tr bỏ đi. Đến ngày 20/02/2018 thì bố vợ anh đưa chị Tr về, xin lỗi gia đình anh vì việc chị Tr cãi nhau với bố mẹ anh. Đến ngày 21/02/2018, chị Tr nói với anh là đi làm và đi từ đó đến nay không về. Trong thời gian ly thân, vợ chồng anh có nói chuyện với nhau vài lần qua điện thoại và anh có thông báo cho chị Tr việc anh đã gửi đơn xin ly hôn. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Thời điểm chị Tr ở với anh thì anh thấy chị Tr nói mang thai nhưng anh không biết thai được bao nhiêu tuần tuổi vì chị Tr tự đi khám thai một mình. Sau khi chị Tr bỏ đi thì đến khoảng cuối tháng 9/2018 chị Tr yêu cầu anh mang giấy kết hôn của vợ chồng anh để làm giấy khai sinh cho con, nhưng khi anh đến Bệnh viện phụ sản W để đưa giấy tờ cho chị Tr, thì chị Tr từ chối gặp anh mặc dù anh đã cố gắng tìm kiếm, liên lạc bằng điện thoại. Do chị Tr chưa nhập hộ khẩu về gia đình anh nên anh không rõ chị Tr đã làm khai sinh cho con với họ tên là gì và đăng ký hộ khẩu ở đâu. Đến nay anh chỉ biết chị Tr hiện có hộ khẩu ở thị trấn X, huyện C cùng với bố mẹ đẻ chị Tr và chị Tr điện thoại cho anh chỉ nói con chung là con trai.

Do hiện nay anh không biết cháu bé theo như chị Tr nói với anh tên họ là gì, hiện cháu như thế nào nên nếu chị Tr đến Tòa án giải quyết và cung cấp những thông tin về cháu bé thì anh chấp nhận cháu là con chung của vợ chồng và anh chị sẽ thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn – Chị Bùi Thị Thu Tr:** Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (do bố chị Tr và em chị Tr nhận thay) nhưng chị Tr không đến Tòa án làm việc và không thể hiện quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

* Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Th là bố mẹ đẻ chị Tr trình bày: Hiện nay chị Tr có hộ khẩu thường trú tại Số nhà 05, tổ 1, khu X, thị trấn X, huyện C, Hà Nội cùng với ông bà. Anh Nguyễn Thanh T và chị Bùi Thị Thu Tr có kết hôn vào năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Tr, anh T không chung sống với ông bà, nên ông bà chỉ biết vợ chồng anh chị có mâu thuẫn về công việc. Trong quá trình chung sống anh T và chị Tr có con chung không thì ông bà không biết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Tr.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho anh T được ly hôn với chị Tr. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện đối với chị Bùi Thị Thu Tr về việc xin ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – chị Bùi Thị Thu Tr hiện có hộ khẩu thường trú tại thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn – anh Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn – chị Bùi Thị Thu Tr đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Tr.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Bùi Thị Thu Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2017 tại UBND xã NH, huyện TT, Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị Tr thì thấy: Theo anh T trình bày vợ chồng anh chị chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhưng chị Tr bỏ đi từ tháng 02/2018 đến nay không về; vợ chồng không liên lạc với nhau. Chị Tr không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của anh T, không đến Tòa án làm việc. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh T được ly hôn với chị Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Theo như anh T trình bày trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị Tr thì anh thấy chị Tr có mang thai, nhưng hiện nay anh không biết cháu bé do chị Tr sinh ra tên là gì, sinh ngày tháng năm nào.

Bản thân chị Tr có cung cấp cho Tòa án một ảnh chụp thông qua hệ thống tin nhắn zalo “Giấy chứng sinh có nội dung: họ tên mẹ: Bùi Thị Thu Tr, sinh năm 1995 – Nơi ĐKTT: 5, thị trấn X, C, Hà Nội; đã sinh con lúc 00 giờ 50 phút ngày 02/9/2018 tại Bệnh viện phụ sản W; giới tính: Gái; dự tính tên con là Phạm Minh A”.

Bố mẹ chị Tr cho biết giữa chị Tr và anh T có con chung hay không ông bà không biết.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn X nhưng không có trường hợp nào khai sinh cho con mà bố tên – Nguyễn Thanh T; mẹ tên Bùi Thị Thu Tr như trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết về vấn đề con chung giữa anh T và chị Tr. Trường hợp các bên có yêu cầu về việc xác định cha/mẹ cho con hoặc xác định con cho cha/mẹ và cung cấp được căn cứ chứng minh thì sẽ được giải quyết trong vụ việc khác.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Bùi Thị Thu Tr.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2015/0004480 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 26/12/2019.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã NH;
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai